

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **331/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 30 - 8 - 2022

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Xuân Minh.

Ông Lê Thanh Hiên.

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 389/2022/TLST-HNGĐ ngày 22/6/2022 về việc “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 307/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim E, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Dương Văn Đ, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét vắng mặt, bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 22/6/2022 và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

Vào năm 1986 bà E và ông Đ được 02 bên gia đình tổ chức đám cưới với nhau, hôn nhân tự nguyện, quá trình chung sống không có đăng ký kết hôn. Thời kỳ chung sống vợ chồng có 03 con chung tên Dương Văn T, sinh năm 1988, Dương Nhật L, sinh năm 1989, Dương Yên P, sinh năm 1991 (các con đã thành niên và tự lo được cuộc sống riêng). Về tài sản chung và nợ chung không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Bà E xác định vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, từ đó cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và mâu thuẫn trầm trọng.

Bà E yêu cầu ly hôn với ông Đ. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án xét giải quyết.

- Đối với bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần đề xét xử, nhưng đều

vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án bị đơn cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Ly hôn*” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu và ý kiến của đương sự:*

[2.1] *Về yêu cầu ly hôn:*

[2.1.2] Mỗi quan hệ vợ chồng giữa bà E và ông Đ được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ vợ chồng giữa bà E và ông Đ được xác lập trước ngày 03/01/1987 nên mỗi quan hệ vợ chồng giữa bà E và ông Đ là hôn nhân thực tế và hợp pháp được pháp luật bảo vệ theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình và khoản 1 Thông tư liên tịch số: 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình.

[2.1.3] Xét về căn cứ cho ly hôn: Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân nếu muốn có được hạnh phúc dài lâu và đạt được mục đích thì vợ chồng phải bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ, đồng thời phải biết thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau. Nhưng bà E và ông Đ không làm được điều đó, mà chỉ vì quan điểm sống cá nhân của mỗi bên, từ đó làm cho mỗi quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và trong quá trình tiến hành tố tụng Tòa án đã triệu tập ông Đ hai lần để tham gia hòa giải nhưng ông Đ đều không đến, đồng thời cũng không có ý kiến hay cung cấp tài liệu, chứng cứ gì phản đối với yêu cầu khởi kiện của bà E và quá trình giải quyết vụ án bà E thể hiện ý chí cương quyết ly hôn với ông Đ, nên có căn cứ xác định bà E và ông Đ không còn quan tâm gì đối với mỗi quan hệ hôn nhân này và có căn cứ xác định được bà E và ông Đ đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng dẫn đến các hệ lụy nêu trên, nếu tiếp tục duy trì mỗi quan hệ hôn nhân về sau thì sẽ không đảm bảo hạnh phúc và trái với các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình hiện nay, nên

cần chấp nhận cho bà E được ly hôn với ông Đ là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung*: Đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự lao động và lo được cuộc sống riêng, nên Hội đồng xét xử không xE xét.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà E cho rằng tài sản chung và nợ chung không có, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Đ về vấn đề tài sản chung và nợ chung, nên không có căn cứ làm rõ phần tài sản chung và nợ chung giữa bà E và ông Đ. Do đó, cần tách phần tài sản chung và nợ chung ra, trường hợp sau này giữa các đương sự có tranh chấp và có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[3] *Về án phí*: Bà E phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà E đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Thông tư liên tịch số: 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim E.

- Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Kim E ly hôn với ông Dương Văn Đ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Kim E phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, bà E đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005018 ngày 22/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND thị trấn T;
- UBND xã K;
- Đường sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Trương Huỳnh Hải